| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **196**/2025/DS-PT
Ngày: 29-8-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thanh Hòa
*Các Thẩm phán*: Ông Vũ Đức Hùng
Bà Lê Thị Thanh Thái

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng– Cơ sở 1 (Số 349 Võ Văn Kiệt, phường Phú Thủy, tỉnh Lâm Đồng) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2025/TLPT-DS ngày 18 tháng 6 năm 2025 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện thị xã L (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15-Lâm Đồng) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 266/2025/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà phúc thẩm số 206/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Phạm Thị Thuỳ N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu phố 2, phường P, tỉnh L.

*Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Út H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn Đá Mài 2, xã H, tỉnh L.

***- Bị đơn:*** Bà Lương Thị H1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu phố 15, phường P, tỉnh L.

*Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn:* Ông Ngô Ngọc T, sinh năm 1996. Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Lý 2, phường L1, tỉnh L (có đơn xin xét xử vắng mặt).

***- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu phố 15, phường P, tỉnh L.

***Người kháng cáo:*** Bị đơn bà Lương Thị H.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt N sau:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2024, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thuỵ Hồng D trình bày:*

Bà N và bà H1 là chỗ quen biết. Ngày 07/10/2022, bà N có cho bà H1 vay 300.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, hẹn đến 27/11/2022 sẽ trả lại. Tuy nhiên, đến hạn nhưng bà H1 không trả. Do vậy, yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc bà Lương Thị H1 phải trả cho bà N số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 28/02/2023 là 37.350.000 đồng. Tổng cộng 337.350.000 đồng

Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên toà, nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện buộc bà Lương Thị H1 phải trả cho bà N số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử 24/9/2024 là 54.740.000 đồng. Tổng cộng 354.740.000 đồng

*Bị đơn bà Lương Thị H1 vắng mặt không có lý do. Quá trình chuẩn bị xét xử bà H1 trình bày:*

Bà H1 không thừa nhận chữ ký, chữ viết "H1" và "Nguyễn Thị H1" ở bên dưới hai mục "Người cùng vay tiền" và "Người mượn đã nhận đủ tiền" của Giấy mượn tiền mà bà N cung cấp. Bà H1 không ký bất kỳ giấy vay nào có nội dung vay của bà N 300.000.000 đồng. Bà H1 chỉ thừa nhận từng vay bà N 800.000.000 đồng, không nhớ rõ thời điểm vay, hai bên có ký với nhau một giấy vay có nội dung vay của bà N số tiền 800.000.000 đồng, tuy nhiên, sau đó đã trả hết 800.000.000 đồng nhưng do tin tưởng nên khi trả hết 800.000.000 đồng thì không yêu cầu bà N hủy giấy vay. Bà H1 không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết H1 và Lương Thị H1 trên giấy vay mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa. Bà H1 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã L đã quyết định:*

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Khoản 2 Điều 92; Khoản 1 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thùy N:

Buộc bà Lương Thị H1 phải trả cho bà Phạm Thị Thùy N số tiền là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Trong đó, 300.000.000 đồng là tiền gốc và 50.000.000 đồng là tiền lãi

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

2. Về án phí: Buộc bà Lương Thị H1 phải nộp 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Phạm Thị Thùy N số tiền 8.434.000 đồng (Tám triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011401 ngày 14/3/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã L.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo.

Ngày 24 tháng 10 năm 2024, bị đơn bà Lương Thị H1 kháng cáo yêu cầu huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 85/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Toà án nhân dân thị xã L.

*Tại phiên tòa phúc thẩm*:

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Bị đơn kháng cáo Nng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã L (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15-Lâm Đồng).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Lương Thị H1 làm trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong phạm vi bản án sơ thẩm, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về chuyển hồ sơ vụ án: Vụ án được xét xử sơ thẩm vào ngày 24 tháng 9 năm 2024. Ngày 24 tháng 10 năm 2024, bị đơn kháng cáo và ngày 25/10/2024 đã nộp đầy đủ tiền tạm ứng án phí theo quy định. Viện kiểm sát không kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Theo quy định tại Điều 283 Bộ luật tố tụng dân sự *"Tòa án cấp sơ thẩm phải gửi hồ sơ vụ án, đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị và tài liệu, chứng cứ bổ sung kèm theo cho Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn* ***05 ngày làm việc*** *kể từ ngày:*

*1. Hết thời hạn kháng nghị;*

*2. Hết thời hạn kháng cáo, người kháng cáo đã nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm".*

Đến ngày 10/6/2025, Tòa án cấp sơ thẩm mới chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp phúc thẩm (sau hơn **07** ***tháng*** kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị) là vi phạm Điều 283 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc vi phạm này không làm thay đổi bản chất của vụ án, tuy nhiên cấp sơ thẩm cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[1.3] Về quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản; bị đơn có địa chỉ cư trú tại: khu phố 7, phường P1, thị xã L1, tỉnh B (nay là khu phố 15, phường P, tỉnh L). Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã L thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật.

[1.4] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người đại diện hợp pháp của bị đơn là người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn T1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn bà Lương Thị H1 đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà H1 không vay của bà Phạm Thị Thuỳ N số tiền 300.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

*[2.1] Về tiền gốc:*

Tại Giấy mượn tiền để đáo hạn ngân hàng ngày 07/10/2022 do nguyên đơn cung cấp, có việc bà N cho bà H1 vay số tiền 300.000.000 đồng, có thỏa thuận thời hạn vay, không có thỏa thuận lãi suất, có mục đích vay và có chữ ký, chữ viết của bà H1. Như vậy, có căn cứ xác định giữa các bên đã có thỏa thuận thực hiện hợp đồng vay tài sản. Đây là hợp đồng có thỏa thuận về thời hạn vay, không có tài sản bảo đảm, không có thỏa thuận lãi suất và có mục đích vay, được quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự. Tại thời điểm giao kết, các bên tham gia ký kết có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự. Hình thức của hợp đồng được lập bằng văn bản, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng dựa trên nguyên tắc tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự, do đó hợp đồng có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Tại biên bản hòa giải ngày 21/8/2024, bà H1 trình bày rằng bà không vay số tiền 300.000.000 đồng của bà N và không thừa nhận chữ ký, chữ viết "H1" và "Lương Thị H1" ở bên dưới hai mục "Người cùng vay tiền" và "Người mượn đã nhận đủ tiền" trong Giấy mượn tiền mà bà N cung cấp. Tuy nhiên, mặc dù không thừa nhận chữ ký, bà H1 lại không yêu cầu giám định. Vì vậy, bà H1 phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà N và bà H1 là có thật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, theo thỏa thuận tại Giấy mượn tiền, bị đơn hẹn đến ngày 27/11/2022 sẽ thanh toán 300.000.000 đồng nợ gốc cho bà N. Tuy nhiên, đến hạn trả tiền, bà H1 không thực hiện đúng N thỏa thuận, do đó bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

*[2.2] Về tiền lãi:*

Theo thỏa thuận của các đương sự, thời hạn trả nợ là đến ngày 27/11/2022. Bà H1 có nghĩa vụ hoàn trả lại tiền cho bà N, nhưng khi đến hạn, bà H1 không

thực hiện việc trả nợ. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán phát sinh trên số tiền gốc 300.000.000 đồng, tính từ ngày 28/11/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, với lãi suất 10%/năm là có căn cứ. Yêu cầu này phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự. Như vậy, số tiền lãi mà bà H1 phải trả cho bà N, tạm tính từ ngày 28/11/2022 đến ngày xét xử 24/9/2024 là: 300.000.000 đồng x 10%/năm x 1 năm 09 tháng 26 ngày = 54.740.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện giảm tiền lãi cho bị đơn còn 50.000.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Từ phân tích trên, nhận thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thùy N là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Lương Thị H1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2024/DSST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã L.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà Lương Thị H1 không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1**. *Căn cứ*: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bà Lương Thị H1: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2024/DSST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã L (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15).

**2.** *Áp dụng:* Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Khoản 2 Điều 92; Khoản 1 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 117; Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thùy N.

Buộc bà Lương Thị H1 phải trả cho bà Phạm Thị Thùy N số tiền là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Trong đó, 300.000.000 đồng là tiền gốc và 50.000.000 đồng là tiền lãi.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

**2.** Về án phí:

**2.1**. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lương Thị H1 phải nộp 17.500.000 đồng *(Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phạm Thị Thùy N số tiền 8.434.000 đồng *(Tám triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011401 ngày 14/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L (nay là Phòng thi hành án khu vực 15).

**2.2.** Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lương Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011932 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L (nay là Phòng thi hành án khu vực 15). Bà Lương Thị H1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

**3.** Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**4.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 29/8/2025).

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 15;
- VKSND khu vực 15;
- Phòng THADS khu vực 15;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Vũ Thị Thanh Hòa**